

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NSNN DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025			Số vốn đã phân bổ chi tiết	Số vốn phân bổ đợt 3				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Vốn thông báo đầu năm	Vốn bổ sung			Giao chi tiết vốn bổ sung	Giao chi tiết	Điều chỉnh tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ:	8.045.818	8.010.108	35.710	6.216.275	1.829.543	35.710	1.693.556	100.277	
A	Vốn ngân sách địa phương	5.515.324	5.479.614	35.710	4.446.626	1.068.698	35.710	932.711	100.277	
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	966.890	966.890	0	966.890	0		0	0	
I.1	Cấp Tỉnh quản lý và phân bổ	376.890	376.890	0	376.890					
1	Chuẩn bị đầu tư									
2	Thực hiện đầu tư	376.890	376.890		376.890					
3	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành									
I.2	Cấp Huyện quản lý và phân bổ	590.000	590.000		590.000					
II	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.100.000	2.100.000	0	1.555.619	544.381		544.381	0	
1	Chuẩn bị đầu tư	39.299	39.299		1.000	75.931		75.931		
2	Thực hiện dự án	1.880.332	1.880.332		1.427.556	417.519		417.519		
3	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành	30.422	30.422			50.931		50.931		
4	Trả nợ vay của chính quyền địa phương	27.063	27.063		27.063					
5	Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Tỉnh	100.000	100.000		100.000					
6	Dự phòng chung	22.884	22.884							
III	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.600.000	1.600.000	0	1.111.393	488.607		388.330	100.277	
III.1	Cấp Tỉnh quản lý và phân bổ	506.500	506.500	0	17.893	488.607		388.330	100.277	
1	Thực hiện đầu tư	17.893	17.893		17.893	328.607		228.330	100.277	
2	Chi cho công tác đo đạc lập bản đồ địa chính và quản lý đất công, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND	160.000	160.000			160.000		160.000		
3	Dự phòng chung	328.607	328.607							
III.2	Cấp Huyện quản lý và phân bổ	1.093.500	1.093.500		1.093.500					

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025			Số vốn đã phân bổ chi tiết	Số vốn phân bổ đợt 3				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Vốn thông báo đầu năm	Vốn bổ sung			Giao chi tiết vốn bổ sung	Giao chi tiết	Điều chỉnh tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý	408.054	408.054	0	408.054	0	0	0	0	
1	Thực hiện đầu tư	408.054	408.054		408.054					
V	Đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2023	404.670	404.670	0	404.670	0	0	0	0	
1	Thực hiện đầu tư	404.670	404.670		404.670					
VI	Đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2024	35.710	0	35.710	0	35.710	35.710	0	0	
1	Chuẩn bị đầu tư	35.710		35.710		35.710	35.710			
B	Vốn ngân sách Trung ương	2.530.494	2.530.494	0	1.769.649	760.845	0	760.845	0	
I	Vốn trong nước	2.530.494	2.530.494	0	1.769.649	760.845	0	760.845	0	
1	Đầu tư các dự án cao tốc, liên kết vùng	577.045	577.045		577.045					
2	Đầu tư các dự án thuộc ngành, lĩnh vực khác	1.822.210	1.822.210		1.078.800	743.410		743.410		
3	Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	131.239	131.239		113.804	17.435		17.435		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	127.775	127.775		110.340	17.435		17.435		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.464	3.464		3.464					

PHỤ LỤC 2

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NSNN DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Vốn ngân sách nhà nước							4.056.141	1.952.124	1.729.266	0	0	
	Vốn trong nước							4.056.141	1.952.124	1.729.266	0	0	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							0	0	0	0	0	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							0	0	0	0	0	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							0	0	0	0	0	
1	Vốn ngân sách địa phương							2.504.996	1.247.016	968.421	0	0	
1.1	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							990.786	497.266	544.381	0	0	
a	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							237.839	8.067	229.772	0	0	
a.1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025			2021-2025	52/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND Tỉnh			224.339	0	224.339	0	0	
	Trong đó:							224.339	0	224.339	0	0	
	- Vốn chuẩn bị đầu tư							7.400	0	7.400	0	0	
	* Hỗ trợ UBND huyện Thanh Bình							2.300	0	2.300	0	0	
1	Trường MG Tân Long (Điểm chính)	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2025	1852/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 9/12/2024 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	1.562	1.562	500	0	500			
2	Trường MG Tân Phú (Điểm chính)	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2025	252/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 17/3/2023 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	454	454	300	0	300			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Trường TH Tân Thạnh 2 (Điểm chính)	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2025	863/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 27/9/2021 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	517	517	500	0	500			
4	Trường TH An Phong 1 (Điểm chính)	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2025	873/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 30/9/2021 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	744	744	500	0	500			
5	Trường TH An Phong 2 (Điểm chính)	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2025	853/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 27/9/2021 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	500	500	500	0	500			
<i>* Hỗ trợ Thành phố Cao Lãnh</i>								600		600			
1	Trường MN Bình Minh	UBND TPCL	TPCL	2025	119/QĐ-QLDA&PTQĐ ngày 06/3/2025 của Ban QLDA&PTQĐ thành phố	660	660	600		600			
<i>* Hỗ trợ huyện Lấp Vò</i>								1.400		1.400			
1	Trường MG Bình Thạnh Trung	UBND HL Vò	HL Vò	2025	350/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 12/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	619	619	600		600			
2	Trường TH Tân Mỹ 1	UBND HL Vò	HL Vò	2025	259/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 06/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	819	819	800		800			
<i>* Hỗ trợ UBND huyện Tam Nông</i>								600	0	600	0	0	
1	Trường TH Phú Ninh A	UBND huyện Tam Nông	HTN	2025	32/QĐ-BQLDA-DD ngày 06/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	539	539	300	0	300			
2	Trường TH Phú Thành A1 (Điểm chính)	UBND huyện Tam Nông	HTN	2025	33/QĐ-BQLDA-DD ngày 06/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	634	634	300	0	300			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	* Hỗ trợ UBND huyện Châu Thành							2.500	0	2.500	0	0	
1	Trường Mầm non Hoa Hồng (điểm Phú Hòa+ điểm Phú Hưng)	UBND HCT	HCT	2025	22/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 17/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	1.021	1.021	600		600			
2	Trường Tiểu học Tân Phú Trung (Điểm Chính)	UBND HCT	HCT	2025	20/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 14/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	718	718	500		500			
3	Trường TH-THCS Tân Phú	UBND HCT	HCT	2025	23/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 17/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	1.096	1.096	800		800			
4	Trường TH-THCS Phú Hựu	UBND HCT	HCT	2025	24/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 17/02/2025 của Ban QLDA&PTQĐ Huyện	958	958	600		600			
	- Vốn thực hiện đầu tư							216.939	0	216.939	0	0	
	* Sở Giáo dục và Đào tạo							56.739	0	56.739	0	0	0
1	Trường THPT Tân Hồng	Sở GD&ĐT	HTH	2025-2025	1285/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2024 của UBND Tỉnh	16.945	16.945	15.887	0	15.887			
2	Trường THCS-THPT Giồng Thị Đam	Sở GD&ĐT	HTH	2025-2025	232/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	40.852	40.852	40.852		40.852			
	* Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh							69.200	0	69.200	0	0	
1	Trường Trung học phổ thông Trường Xuân	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	HTM	2025-2025	225/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	69.205	69.205	69.200		69.200			
	* Hỗ trợ UBND huyện Lấp Vò							91.000	0	91.000	0	0	
1	Trường THCS Định Yên	UBND HL Vò	HL Vò	2025-2025	69/QĐ-UBND.HC ngày 25/02/2025 của UBND Huyện	163.078	163.078	91.000		91.000			
a.2	Nhóm C							13.500	8.067	5.433	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2021-2025 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	Trường CĐ Y tế ĐT	TPCL	2024-2025	275/QĐ-UBND.HC ngày 21/3/2025 của UBND Tỉnh	18.277	18.277	13.500	8.067	5.433			
b	Y tế, dân số và gia đình							57.600	56.700	900	0	0	
1	Trang bị bổ sung mới thiết bị chuyên môn cho 08 Trung tâm y tế có giường bệnh của tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	Tỉnh ĐT	2024-2025	238/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	63.023	63.023	57.600	56.700	900			
c	Các hoạt động kinh tế							666.347	432.499	157.847	0	0	
c.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							538.500	432.499	30.000	0	0	
1	Phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp	UBND huyện Thanh Bình	HTB	2019-2025	383/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2023; 64/QĐ-UBND.HC ngày 22/01/2025 của UBND Tỉnh	678.248	678.248	538.500	432.499	30.000			
c.2	Khu công nghiệp và khu kinh tế							25.000	0	25.000	0	0	
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười							25.000	0	25.000	0	0	
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp - dịch vụ Thương mại Trường Xuân	UBND huyện Tháp Mười	HTM	2024-2025	4566/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND Huyện	57.062	57.062	25.000		25.000			
c.3	Công nghệ thông tin							102.847	0	102.847	0	0	
1	Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH,TT&DL	Tỉnh ĐT	2025-2025	1284/QĐ-UBND-HC ngày 28/12/2024 của UBND Tỉnh	3.304	3.304	3.147	0	3.147			
2	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	Tỉnh ĐT	2025-2025	144/QĐ-UBND-HC ngày 28/02/2025 của UBND Tỉnh	26.752	26.752	25.000		25.000			
3	Hệ thống thông tin ngành giáo dục	Sở GD&ĐT	TPCL	2025-2025	235/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	9.759	9.759	9.700		9.700			
4	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở GD&ĐT	Tỉnh ĐT	2025-2025	236/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	28.112	28.112	25.300		25.300			
5	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	Sở Y tế	Tỉnh ĐT	2025-2025	233/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	28.080	28.080	22.700		22.700			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh	Sở Y tế	Tỉnh ĐT	2025-2025	234/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	20.505	20.505	17.000		17.000			
d	Xã hội							29.000	0	29.000	0	0	
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN Tỉnh	Tỉnh ĐT	2025-2027	231/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	89.972	89.972	22.000		22.000			
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung							7.000	0	7.000	0	0	
1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Lai Vung và Lấp Vò	UBND huyện Lai Vung	HLVung	2025-2026	242/QĐ-UBND-XDCB ngày 10/10/2024 của UBND Huyện	33.847	33.847	7.000		7.000			
d	Chi đầu tư phát triển									126.862			
d.1	Chuẩn bị đầu tư									75.931			
d.2	Tất toán các dự án hoàn thành									50.931			
1.2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất							1.478.500	749.750	388.330	0	0	
a	Các hoạt động kinh tế							1.318.500	749.750	228.330	0	0	
a.1	Khu công nghiệp và khu kinh tế							213.500	193.446	20.054	0	0	
	Cụm công nghiệp Quảng Khánh (Giai đoạn 1)	TT Đầu tư và Khai thác hạ tầng - Ban QL KKT ĐT	HCL	2022-2025	1374/QĐ-UBND-HC ngày 14/12/2022; 1331/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2024 của UBND Tỉnh	216.978	216.978	213.500	193.446	20.054			
a.2	Công trình công cộng tại các đô thị							1.105.000	556.304	208.276	0	0	
	* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hồng Ngự							660.000	251.304	109.000	0	0	
1	Đường Nguyễn Tất Thành, phường An Lộc	UBND TPHN	TPHN	2023-2025	1195/QĐ-UBND ngày 12/6/2023; 1982/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND TPHN	176.869	176.869	100.000	80.487	1.400			
2	Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường Tuyến dân cư Mương Nhà Máy	UBND TPHN	TPHN	2024-2026	2831/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND TPHN	846.371	846.371	380.000	78.317	92.100			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Dự án hạ tầng nông nghiệp đô thị	UBND TPHN	TPHN	2024-2025	1586/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND TPHN	130.178	130.178	80.000	28.000	2.000			
4	Đường kết nối Cụm công nghiệp	UBND TPHN	TPHN	2023-2025	1194/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND TPHN	72.851	72.851	50.000	24.500	3.500			
5	Đường ra biên giới, xã Tân Hội	UBND TPHN	TPHN	2024-2025	2904/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPHN	221.168	221.168	50.000	40.000	10.000			
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cao Lãnh</i>							295.000	180.000	74.276	0	0	
1	Đường ĐT 846 nối dài (đoạn từ cầu ông Thợ - đường Trần Bá Lê) và cầu Ông Thợ (xã Mỹ Tân - xã Hòa An)	UBND TPCL	TPCL	2024-2025	150/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPCL	217.051	217.051	185.000	80.180	74.096			
2	Nâng cấp và mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (cầu Cái Tôm đến đường Thiên Hộ Dương)	UBND TPCL	TPCL	2023-2025	32/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND TPCL	133.577	133.577	110.000	99.820	180			
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc</i>							150.000	125.000	25.000	0	0	
1	Đường song song đường hoa Sa Đéc (Sa Nhiên – Cai Dao)	UBND TPSE	TPSE	2024-2025	288/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/12/2023 của UBND TPSE	225.670	225.670	150.000	125.000	25.000			
b	Chi đầu tư phát triển							160.000	0	160.000	0	0	
b.1	Chi cho công tác đo đạc đất đai, bổ sung Cấp vốn điều lệ Quỹ phát triển đất, cấp lại Trung tâm Phát triển Quỹ đất							160.000		160.000			
1.3	Đầu tư từ nguồn tăng thu XSKT năm 2024							35.710	0	35.710	0	0	
a	Chi đầu tư phát triển							35.710	0	35.710	0	0	
a.1	Chuẩn bị đầu tư							35.710		35.710	0	0	
2	Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương							1.551.145	705.108	760.845	0	0	
	Vốn trong nước							1.551.145	705.108	760.845	0	0	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							0	0	0	0	0	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							0	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>							0	0	0	0	0	
2.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước)							1.533.710	705.108	743.410	0	0	
a	Các hoạt động kinh tế							1.533.710	705.108	743.410	0	0	
a.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							250.000	197.391	50.525	0	0	
1	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (xã Long Thuận và Phú Thuận A, HHN)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	HHN	2021-2025	312/QĐ-UBND-HC ngày 15/04/2024; 1109/QĐ-UBND.HC ngày 20/11/2024 của UBND Tỉnh	300.000	300.000	250.000	197.391	50.525			
a.2	Giao thông							883.710	507.717	292.885	0	0	
1	Đường ĐT.845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	HTM, HTN, HTH	2021-2025	647/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2021; 1111/QĐ-UBND.HC ngày 21/11/2024 của UBND Tỉnh	991.810	991.810	883.710	507.717	292.885			
a.3	<i>Khu công nghiệp và khu kinh tế</i>							400.000	0	400.000	0	0	
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Ban QL Khu kinh tế ĐT	HHN, TPHN	2025-2027	239/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025 của UBND Tỉnh	778.616	778.616	400.000		400.000			
2.2	Vốn nước ngoài, trong đó:							0	0	0	0	0	
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>							0	0	0	0	0	
	- <i>Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>							0	0	0	0	0	
2.3	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn trong nước)							17.435	0	17.435	0	0	
a	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							17.435	0	17.435	0	0	
	Trong đó:												
a.1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025							13.500	0	13.500	0	0	
	* Hỗ trợ huyện Cao Lãnh							13.500	0	13.500	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trung tâm thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện Cao Lãnh	UBND huyện Cao Lãnh	HCL	2025-2026	27/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND Huyện	14.653	13.500	13.500	0	13.500			
a.2	Hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025			2025-2025		3.935	3.935	3.935		3.935			

PHỤ LỤC 3
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2025 NGUỒN NSNN DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Vốn ngân sách nhà nước							410.000	39.800	192.600	0	0	130.277	-30.000	292.877	0	0	
	Vốn trong nước							410.000	39.800	192.600	0	0	130.277	-30.000	292.877	0	0	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Vốn ngân sách địa phương							410.000	39.800	192.600	0	0	130.277	-30.000	292.877	0	0	
1.1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước							230.000	37.400	174.707	0	0	30.000	-30.000	174.707	0	0	
a	Quốc phòng							230.000	37.400	174.707	0	0	30.000	-30.000	174.707	0	0	
1	Đầu tư xây dựng công trình Khu Kinh tế Quốc phòng Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp/QK9 (giai đoạn 3)	Đoàn KT-QP 959/QK9	HTH, HTN, HHN	2024-2027	6394/QĐ-BQP ngày 06/12/2023 của Bộ Quốc phòng	240.000	240.000	50.000	35.000	15.000			30.000		45.000			
2	Xây dựng mới Trung đoàn Bộ binh 320	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	HTH	2025-2027	756/QĐ-UBND-HC ngày 05/9/2024 của UBND Tỉnh	628.456	628.456	180.000	2.400	159.707				-30.000	129.707			
1.2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất							180.000	2.400	17.893	0	0	100.277	0	118.170	0	0	
a	Quốc phòng							180.000	2.400	17.893	0	0	100.277	0	118.170	0	0	
1	Xây dựng mới Trung đoàn Bộ binh 320	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	HTH	2025-2027	756/QĐ-UBND-HC ngày 05/9/2024 của UBND Tỉnh	628.456	628.456	180.000	2.400	17.893			100.277		118.170			